

**TÒA ÁN NHÂN
DÂN**

**HUYỆN HUNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 10 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn H;

2. Bà Lê Thị D.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H , cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An:
Ông Nguyễn Phi Th – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D , sinh năm: 1988; địa chỉ: Xóm A, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Văn V, sinh năm: 1987; địa chỉ: Xóm A, xã Hưng Tây, huyện HN, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Cao Văn V đăng ký kết hôn ngày 13/11/2009 tại

UBND xã B, huyện H, tỉnh A. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị hay đập đánh chị dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh Cao Văn V. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Cao Văn Đ sinh ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Cao Thảo Nguyên, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung tên là Cao Văn Đ và nhường quyền nuôi con chung tên là Cao Thảo Ng cho anh Cao Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà và 01 chiếc xe máy. Khi nộp đơn khởi kiện chị đã đề nghị Tòa án chia tài sản chung. Nhưng nay chị không yêu cầu Tòa giải quyết và xin rút yêu cầu này. Về khoản nợ: Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Phạm Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn, anh Cao Văn V: Không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, 28, 35, 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Cao Văn V. Về con chung: Giao con chung tên là Cao Văn Đ, sinh ngày 03/11/2010 cho chị Phạm Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Đề nghị giao con chung tên là Cao Thảo Ng sinh ngày 01/5/2014 cho anh Cao Văn V trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị D và anh Cao Văn V. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn anh Cao Văn V có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xóm A, xã HN, huyện HN, tỉnh NA. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Cao Văn V nhưng anh Vương không hợp tác và không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đây là lần thứ hai anh Vương vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử vắng mặt anh Vương là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị D và anh Cao Văn V đăng ký kết hôn ngày 13/11/2009 tại UBND xã H, huyện HN, tỉnh NA. không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị D cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị D được ly hôn anh Cao Văn V.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Dung và anh Vương đều có nghề nghiệp và thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo quyền được trực tiếp chăm sóc con chung của chị D, anh V và cũng để giảm bớt gánh nặng về kinh tế cho các bên. Cần giao cho chị D và anh V mỗi người nuôi 01 con là phù hợp. Chị D có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, nhường quyền nuôi cháu Thảo Nguyên cho anh Vương chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo mong muốn được ở với mẹ của cháu Đạt nên cần chấp nhận, giao cháu Đ cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Thảo Nguyên cho anh Vương nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D và anh V.

[4]. *Về tài sản chung*: Khi nộp đơn khởi kiện chị D có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung cho vợ chồng. Tuy nhiên, chị D xin rút yêu cầu chia tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị D.

[5]. *Về khoản nợ*: Chị Phạm Thị D không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị D tiền tạm ứng án phí chia tài sản mà chị đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Cao Văn Vương.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên là Cao Văn Đ, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2010 cho chị Phạm Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Giao con chung tên là Cao Thảo Nguyên, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2014 cho anh Cao Văn V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D và anh Vương.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Dung.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là mà chị D đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0002120 ngày 09 tháng 7 năm 2020. Chị D đã nộp đủ. Trả lại cho chị Phạm Thị D số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Dương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

